TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH TƯỜNG** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2025/DS - ST
Ngày 11 tháng 4 năm 2025
"V/v Tranh chấp kiện đòi tài sản là tiền"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH TƯỜNG, TỈNH VĨNH PHÚC

- ***Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Hồng Giang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phùng Văn Thông
2. Bà Vũ Thị Thu Liễu

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Lan Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc *tham gia phiên tòa:* Ông Tạ Việt Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Vĩnh Tường xét xử sơ thẩm C khai vụ án thụ lý số: 109/2024/TLST- DS ngày 10 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp "*kiện đòi tài sản là tiền"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2025/QĐXXST- DS ngày 28 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Chiến T, sinh năm 1971

Địa chỉ: số 157a, ngõ 28 đường N, phường H, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt)

- Bị đơn: C ty TNHH Thương mại và Xây dựng N

Địa chỉ: khu 3, xã St, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Hữu C - Giám đốc C ty (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo nguyên đơn – ông Nguyễn Chiến T trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết nên ông có mua số lượng cốp pha thep, giao thép ống + ván phin tại C trình Hội trường C an tỉnh Vĩnh Phúc với đại diện là ông Trần Hữu C là Giám đốc C ty TNHH Thương mại và Xây dựng N. Ngày 09/8/2023, giữa ông và ông C – Giám đốc C ty đã ký kết Biên bản mua cốp pha thép cũ đã qua sử dụng. Theo đó, hai bên đã tiến hành lập biên bản mua bán cốp pha thép cũ đã quy định sử dụng hiện đang được sử dụng vào xây dựng C trình nhà Hội trường C an tỉnh Vĩnh Phúc, đang ghép 620m^2 trong nhà hội trường là 23 tấn cốp pha thép và giáo thép. C ty N đồng ý bán cho ông toàn bộ số cốp pha théo và giáo thep+ván phin tại C trình với số tiền 250.000.000đ. Ông đặt trước cho C ty số tiền 150.000.000đ, thỏa thuận đến ngày 02/8/2023, C ty N phải giao toàn bộ số lượng cốp pha như trên cho ông. Đến ngày 02/8/2023, phía C ty N không bàn giao cho ông số lượng cốp pha là 23 tấn như đã cam kết tại biên bản hai bên đã ký trước đó.

Ngày 09/8/2023, ông có làm việc với ông Trần Hữu C xác nhận số tiền C ty N nợ ông là 150.000.000đ. C ty N hẹn đến ngày 07/9/2023, ông C sẽ giao trả số cốp pha cho ông, nếu ông C không giao trả cốp pha thì ông sẽ thu hồi toàn bộ 670m^2= 15 tấn cốp pha thép+xà+chống+phin, hộp, giằng tại C an tỉnh Vĩnh Phúc tương ứng với số tiền C ty N còn nợ ông là 150.000.000đồng.

Tuy nhiên cho đến nay, C ty N chưa bàn giao cho ông khối lượng cốp pha theo giấy biên nhận nợ ngày 09/8/2023. Ông đã nhiều lần đến C ty gặp ông C nhưng đều không được giải quyết.. Về số lượng giàn giáo, cốp pha tại Hội trường C an tỉnh Vĩnh Phúc đã được ông C thu dọn toàn bộ.

Nay ông yêu cầu Tòa án buộc C ty TNHH Thương mại và Xây dựng N do ông Trần Hữu C làm Giám đốc phải trả toàn bộ cho ông số tiền 150.000.000đồng tương ứng với số hàng 670m^2=15 tấn cốp pha thép+xà+chống+phin, hộp, giằng chưa bàn giao. Ông không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn - C ty TNHH Thương mại và Xây dựng N do ông Trần Hữu C vắng mặt nhưng tại biên bản lấy lời khai ngày 07/11/2024 – ông Trần Hữu C trình bày:

Ông là người đại diện theo pháp luật của C ty TNHH Thương mại và Xây dựng N, C ty thuộc hình thức C ty TNHH một thành viên, hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực xây dựng. C ty hiện chưa làm thủ tục tuyên bố giải thể hay tuyên bố phá sản. Bản chất sự việc là ông vay tiền của ông T, số tiền vay là

150.000.000đồng (vay và nhận tiền tại nhà ông T), lãi suất thỏa thuân là 5.000.000đ/1 ngày. Khi vay có sự chứng kiến của ông Tư là em trai ông T (nhà liền kề với nhà, đất của ông T). Ông đã trả cho ông T 02 đến 03 tháng, mỗi tháng trả hơn 10.000.000đồng, không có giấy xác nhận về việc trả tiền lãi. Tuy nhiên, do C ty N có nhu cầu mua cốp pha nên ông T đã ghi mua cốp pha đã qua sử dụng, bản thân ông chỉ xác định là vay tiền để quay vòng vốn làm ăn kinh doanh nên ông T ghi thế nào ông cũng đồng ý, mục đích cốt là để được vay tiền. Nay ông T khởi kiện yêu cầu C ty TNHH Thương mại và Xây dựng N phải trả số tiền 150.000.000đồng, ông không có ý kiến gì. Tuy nhiên hiên ông đang làm ăn thua lỗ nên không thể trả ngay toàn bộ số tiền trên cho ông T được, ông xin trả nợ dần và xin trả mỗi tháng từ 2.000.000đồng đến 5.000.000đồng cho đến khi trả hết nợ, thời gian trả nợ từ tháng 3 năm 2025.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường trình bày quan điểm.

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ thời điểm nhận đơn khởi kiện cho đến khi xét xử thẩm phán giải quyết vụ án đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, việc thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, quá trình thu thập chứng cứ tuân thủ đúng các quy định của pháp luật. Việc chấp hành thời hạn xét xử đúng quy định. Tại phiên tòa, việc khai mạc phiên tòa, thủ tục bắt đầu phiên tòa, thủ tục tranh tụng tại phiên tòa được thực hiện đúng quy định. Nguyên đơn thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn thực hiện chưa đầy đủ các quy định của pháp luật. Những yêu cầu, kiến nghị về thủ tục tố tụng: Không có.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 117, 430, 440, 357 Bộ luật dân sự; Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Chiến T, buộc C ty TNHH Thương mại xây dựng N trả chị anh T số tiền 150.000.000đ và tiền lãi chậm trả theo quy định của pháp luật. Về án phí: C ty TNHH Thương mại xây dựng N phải chịu án phí giá ngạch theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến của đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án: ông Nguyễn Chiến T khởi kiện C ty TNHH Thương mại và Xây dựng N yêu cầu trả tiền hàng còn nợ nên đây là quan hệ pháp luật về *"tranh chấp kiện đòi tài sản là tiền"*. C ty TNHH Thương mại và Xây dựng N có địa chỉ tại xã St, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc, theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc

- Người đại diện theo pháp luật của bị đơn - C ty TNHH Thương mại và Xây dựng N là ông Trần Hữu C đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn.

- C ty TNHH Thương mại và Xây dựng N không có đơn yêu cầu phản tố trong vụ án.

[2]. Về yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Chiến T:

Qua lời khai của các đương sự, biên bản mua bán cốp pha ngày 09/8/2023, giấy nhận nợ và tài liệu khác trong hồ sơ vụ án, nhận thấy:

Ngày 09/8/2023, giữa anh Nguyễn Chiến T và anh Trần Hữu C - Giám đốc C ty TNHH Thương mại xây dựng N đã ký kết Biên bản mua cốp pha thép cũ đã quá sử dụng. Theo đó, C ty N bán cốp pha thép cũ hiện đang được sử dụng vào xây dựng C trình nhà Hội trường C an tỉnh Vĩnh Phúc, đang ghép 670m2, khối lượng 25 tấn với giá 250.000.000đ. Anh T đặt trước cho C ty số tiền là 150.000.000đ, thỏa thuận đến ngày 02/8/2023, C ty N phải giao toàn bộ số lượng cốp pha nêu trên cho anh T. Đến ngày 02/8/2023, phía C ty N không bàn giao cho anh T 23 tấn cốp pha thép nêu trên, nên anh T khởi kiện yêu cầu C ty TNHH Thương mại xây dựng N do anh C làm giám đốc phải tra anh T số tiền 150.000.000đ.

Xét thấy việc giao kết giữa hai bên là hoàn toàn tự nguyện, không trái quy định của pháp luật nên giao kết giữa anh T và C ty N phát sinh hiệu lực, do C ty

N không cung cấp được 23 tấn cốp pha thép cho anh T, nên phải trả lại cho anh T số tiền 150.000.000đ.

Về phía ông Trần Hữu C cho rằng bản chất sự việc là ông vay tiền của ông T, số tiền vay là 150.000.000đồng (vay và nhận tiền tại nhà ông T), lãi suất thỏa thuận là 5.000.000đ/1 ngày. Khi vay có sự chứng kiến của ông Tư là em trai ông T (nhà liền kề với nhà, đất của ông T). Ông đã trả cho ông T 02 đến 03 tháng, mỗi tháng trả hơn 10.000.000đồng nhưng không có tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh cho nội dung trên nên không được chấp nhận.

Như vậy, ông T khởi kiện yêu cầu C ty TNHH Thương mại và Xây dựng N phải trả số tiền 150.000.000đồng đặt cọc mua hàng là có căn cứ nên được chấp nhận.

[3] Về tiền lãi: Ông T không yêu cầu trả tiền lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của ông T được chấp nhận nên ông T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. C ty TNHH Thương mại và Xây dựng N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 117, 430, 440, 357 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Chiến T đối với C ty TNHH Thương mại và Xây dựng N. Buộc C ty TNHH Thương mại và Xây dựng N phải trả cho ông T số tiền 150.000.000đồng (một trăm năm mươi triệu đồng chẵn).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp, ông Nguyễn Chiến T có đơn đề nghị thi hành án nếu C ty TNHH Thương mại và Xây dựng N không thanh toán khoản tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải trả tiền lãi đối với số tiền trậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền chậm trả ở thời điểm thanh toán.

2. Về án phí: ông Nguyễn Chiến T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông Nguyễn Chiến T số tiền 1.375.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0005098 ngày 04/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Tường.

C ty TNHH Thương mại và Xây dựng N phải chịu 7.500.000đồng (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được tống đạt hoặc niêm yết bản án.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi 6 hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Vĩnh Tường;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Tường;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hồng Giang